

CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬT TƯ HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78/VT.2026

Cần Thơ, ngày 21 tháng 04 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;  
- Quý cổ đông.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Vật Tư Hậu Giang

- Mã chứng khoán: HAM

- Địa chỉ: 184 Trần Hưng Đạo, Phường Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

- Điện thoại liên hệ: 02923 832 175

- E-mail: hamaco@hamaco.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ Phần Vật Tư Hậu Giang công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị số 11/2026/NQ-HĐQT ký ngày 21/04/2026 v/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 01/04/2026 liên quan phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (*chi tiết file đính kèm*).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/04/2026 tại đường dẫn: [www.hamaco.com.vn](http://www.hamaco.com.vn) (*mục Công bố thông tin*).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

\* **Tài liệu đính kèm**

- Nghị quyết HĐQT số 11/2026/NQ-HĐQT ký ngày 21/04/2026.

**Người thực hiện công bố thông tin**

**Người phụ trách quản trị công ty**



*Huỳnh Việt Hùng*

Số: 111/2026/NQ-HĐQT

Cần Thơ, ngày 21 tháng 4 năm 2026

## NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 01/04/2026)

### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản liên quan;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản liên quan;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-NQ.ĐHCD.2026 ngày 03/03/2026;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01-BBH.ĐHCD.2026 ngày 03/03/2026;
- Tờ trình ĐHCĐ số 06/TTr-HĐQT/2026 ngày 07/02/2026 v/v thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;
- Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 01/04/2026;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị số 111/2026/BB-HĐQT ngày 21/4/2026.

### QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Thông qua sửa đổi, bổ sung nội dung tại mục 15 điều 1 Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 01/04/2026 như sau:

Nội dung đã thông qua tại Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 01/04/2026	Nội dung thay đổi
15. Xử lý trong trường hợp Người lao động nghỉ việc/ chấm dứt Hợp đồng lao	15. Xử lý trong trường hợp Người lao động nghỉ việc/ chấm dứt Hợp đồng lao

<p><b>động trong thời gian hạn chế chuyển nhượng:</b></p> <p>Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, nếu có Người lao động nghỉ việc hoặc Công ty/ các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO cho thôi việc hoặc các hình thức chấm dứt Hợp đồng lao động khác thì số cổ phiếu đã phát hành cho Người lao động đó sẽ được Công ty mua lại với giá 10.000 đồng/ cổ phiếu và không còn bị hạn chế chuyển nhượng trừ một số trường hợp khác do HĐQT quyết định. <u>Công ty được phép bán ra theo quy định của pháp luật hiện hành.</u></p> <p><u>HĐQT quyết định chi tiết Phương án bán ra số cổ phiếu được Công ty mua lại.</u></p>	<p><b>động trong thời gian hạn chế chuyển nhượng:</b></p> <p>Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, nếu có Người lao động nghỉ việc hoặc Công ty/ các Công ty thuộc hệ thống của HAMACO cho thôi việc hoặc các hình thức chấm dứt Hợp đồng lao động khác thì số cổ phiếu đã phát hành cho Người lao động đó sẽ được Công ty mua lại với giá 10.000 đồng/cổ phiếu và không còn bị hạn chế chuyển nhượng trừ một số trường hợp khác do HĐQT quyết định.</p> <p><u>Tổng số lương cổ phiếu của người lao động đã được Công ty mua lại phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất. Công ty được phép bán ra số cổ phiếu đã được mua lại sau 24 giờ kể từ ngày hoàn thành việc mua lại hoặc một thời điểm phù hợp do HĐQT quyết định. Khi thực hiện mua lại cổ phiếu ESOP từ người lao động và bán cổ phiếu mua lại, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.</u></p>
---	--

**Điều 2.** Thông qua Danh sách người lao động được mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của CTCP Vật tư Hậu Giang (*Danh sách chi tiết Phụ lục I đính kèm*). Danh sách này thay thế cho danh sách người lao động được mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (*Phụ lục II*) đã ban hành theo điều 2 Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 01/04/2026.

**Điều 3:** Các điều khoản khác

Các nội dung khác trong Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐQT ngày 01/04/2026 không được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết này sẽ tiếp tục có hiệu lực, trừ khi được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc thay thế bằng một Nghị quyết HĐQT khác.

**Điều 4.** Các Thành viên Hội đồng quản trị giám sát, kiểm tra việc thực hiện; Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo các phòng ban và cá nhân có liên quan căn cứ Nghị quyết thực hiện. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**



## PHỤ LỤC

(đính kèm Nghị quyết HĐQT số ...../2026/NQ-HĐQT ngày ...../...../2026)

### DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2025 CỦA CTCP VẬT TƯ VẬT GIANG (HAMACO)

A. Nhóm I: Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm thành viên độc lập HĐQT) và nhóm cán bộ quản lý tại HAMACO và các công ty thuộc hệ thống của HAMACO

⚡ Thành viên Hội đồng quản trị (không bao gồm thành viên độc lập HĐQT) Công ty Cổ phần Vật tư Hậu Giang

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (cổ phiếu/ người)
1	Lê Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT	39.000
2	Đào Đức Đại	Thành viên HĐQT không điều hành	8.000
3	Mai Bảo Ngọc	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	14.000
4	Lâm Thị Trúc Hà	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	11.000

⚡ Nhóm cán bộ quản lý tại HAMACO và các công ty thuộc hệ thống của HAMACO

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C)	Số lượng cổ phiếu phân bổ thêm (D)	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (A+B+C+D) (cổ phiếu/ người)
1.	Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	3.500	4.000	2.500	2.500	12.500
2.	Huỳnh Việt Hùng	Người Phụ trách Quản trị công ty	3.500	3.000	2.500	1.500	10.500



STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C)	Số lượng cổ phiếu phân bổ thêm (D)	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (A+B+C+D). (cổ phiếu/người)
3.	Nguyễn Thị Bé Ghí	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	500	2.000	3.000	1.500	7.000
4.	Nguyễn Hồng Phúc	Trưởng Ban Xây dựng cơ bản	1.500	2.000	2.500	1.500	7.500
5.	Khổng Liên Phương	Trưởng ban Pháp chế	2.500	2.000	3.000	2.000	9.500
6.	Trần Thị Thanh Vân	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500	1.500	3.000	1.500	7.500
7.	Lâm Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	1.500	3.000	3.000	2.000	9.500
8.	Huỳnh Tú Mỹ	Phó phòng Kế toán	2.500	1.000	2.000	0	5.500
9.	Nguyễn Quốc Huy	Phó phòng Kế toán	2.500	1.000	2.000	0	5.500
10.	Phạm Đức Cường	Trưởng phòng Công nghệ thông tin	3.500	1.500	2.500	1.500	9.000
11.	Quách Kim Ngân	Trưởng phòng Mua hàng	2.000	1.500	2.500	1.500	7.500
12.	Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Phòng Mua hàng	2.500	1.000	2.000	0	5.500
13.	Lục Quốc Cường	Trưởng phòng Bán hàng	2.500	1.500	2.500	1.800	8.300
14.	Nguyễn Kim Diệu	Trưởng Chi nhánh Trà Nóc	3.500	1.500	2.500	1.800	9.300
15.	Võ Hồng Sang	Trưởng phòng Kinh doanh Sơn	2.500	1.500	2.500	1.800	8.300
16.	Nguyễn Công Thoại	Phó Phòng Thiết bị vệ sinh	500	1.000	2.000	0	3.500
17.	Trần Văn Đệ	Trưởng Chi nhánh Tiền Giang	500	1.500	2.000	0	4.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C)	Số lượng cổ phiếu phân bổ thêm (D)	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (A+B+C+D) (cổ phiếu/người)
18.	Trần Thanh Tùng	Trưởng Chi nhánh Bạc Liêu	2.500	1.500	2.500	2.000	8.500
19.	Hoàng Văn Hùng	Trưởng Chi nhánh Phú Quốc	2.500	1.500	2.500	2.000	8.500
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG HAMACO</b>							
20.	Đỗ Xuân Thành	Tổng Giám đốc	1.500	3.000	3.000	2.500	10.000
21.	Trần Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc	2.500	2.500	2.000	1.500	8.500
22.	Phạm Kim Quỳnh	Kế toán trưởng	500	1.800	2.500	1.500	6.300
23.	Lý Quốc Toàn	Trưởng phòng Bán hàng	2.000	1.000	2.500	1.500	7.000
24.	Nguyễn Hoàng Phúc	Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng	1.500	1.000	1.500	0	4.000
<b>CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG XANH HAMACO</b>							
25.	Nguyễn Thanh Liêm	Giám đốc	500	3.000	3.000	2.500	9.000
26.	Nguyễn Thanh Thảo	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500	1.000	2.500	1.500	6.500
27.	Vũ Thị Lan Phương	Kế toán trưởng	2.000	1.800	2.500	1.500	7.800
28.	Cao Minh Thiện	Trưởng phòng Kinh doanh	1.500	1.000	2.500	1.500	6.500
29.	Lưu Phước Lộc	Trưởng phòng Quản lý chất lượng	1.500	1.000	2.000	0	4.500
30.	Phạm Văn Trà	Quản đốc Xưởng	500	0	2.000	0	2.500

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C)	Số lượng cổ phiếu phân bổ thêm (D)	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (A+B+C+D) (cổ phiếu/người)
31.	Phạm Văn Sáng	Phó Quản đốc Xưởng	500	0	1.500	0	2.000
32.	Thạch Minh Thy	Phó Quản đốc Xưởng	500	0	1.500	0	2.000
<b>CÔNG TY TNHH MTV BÊ TÔNG HAMACO - HẬU GIANG</b>							
33.	Nguyễn Thanh Điền	Tổng Giám đốc	2.500	3.000	3.000	2.500	11.000
34.	Nguyễn Thị Hằng	Trợ lý Chủ tịch	1.500	0	1.500	0	3.000
35.	Trần Công Thoại	Trưởng phòng Hành chính nhân sự	1.500	1.000	1.800	0	4.300
36.	Đinh Thị Mỹ Hiền	Phó Phòng Hành chính nhân sự	2.500	0	1.800	0	4.300
37.	Đinh Ngọc Châu	Trưởng phòng Cung ứng	2.500	1.000	1.800	0	5.300
38.	Võ Hiếu Thảo	Trưởng phòng Công nghệ Vận hành	1.500	1.000	1.800	0	4.300
39.	Nguyễn Bằng Lăng	Quyền Trưởng phòng Quản lý chất lượng	1.500	500	1.500	0	3.500
40.	Nguyễn Ngọc Lộc	Trưởng phòng Bán hàng	1.500	1.000	2.500	1.500	6.500
41.	Lê Ngọc Viện	Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng	1.500	1.000	2.500	1.500	6.500
42.	Bùi Quốc Long	Quản đốc Xưởng Bê tông cấu kiện	1.500	0	1.000	0	2.500

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số thâm niên (A)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số cấp bậc (B)	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo hệ số hiệu quả làm việc (C)	Số lượng cổ phiếu phân bổ thêm (D)	Tổng số lượng cổ phiếu phân phối (A+B+C+D) (cổ phiếu/người)
43.	Huỳnh Văn Duy	Trưởng Trạm trộn Tân Phú Thạnh	2.000	0	1.000	0	3.000
44.	Nguyễn Thị Hà Giang	Phó phòng Quản lý chất lượng	500	0	500	0	1.000
45.	Nguyễn Trường Giang	Phó phòng Dịch vụ Khách hàng	500	0	500	0	1.000
46.	Đặng Sơn Bình	Phó Quản đốc Xưởng Bê tông cầu kiện	1.500	0	500	0	2.000
47.	Nguyễn Văn Đông	Phó Quản đốc Xưởng Bê tông cầu kiện	1.500	0	500	0	2.000
<b>CÔNG TY TNHH MTV HAMACO PETRO</b>							
48.	Phạm Trúc Linh	Giám đốc	1.500	1.000	0	0	2.500
49.	Nguyễn Phúc Thanh	Kế toán trưởng	1.500	800	0	0	2.300
50.	Trần Thị Trúc Kha	Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng	1.500	500	0	0	2.000
51.	Trần Ngọc Thanh	Trưởng phòng Kinh doanh Dầu nhờn	1.500	500	0	0	2.000
52.	Khổng Hoàng Duy	Trưởng phòng Kinh doanh Gas	1.500	500	0	0	2.000
53.	Nguyễn Văn Tạo	Trưởng phòng Kho vận	2.500	500	0	0	3.000
<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>370.000</b>



**B. Nhóm II: Cán bộ nhân viên công tác tại HAMACO**

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số thâm niên (a)	Hệ số quy đổi (b)	Số điểm (a*b)	Số lượng cổ phiếu phân bổ (Làm tròn) (cổ phiếu/người)
<b>I</b>	<b>BAN XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>					
1.	Nguyễn Hữu Phương	Nhân viên Xây dựng cơ bản	0,8	3	2,4	2.300
<b>II</b>	<b>BAN PHÁP CHẾ VÀ THU HỒI CÔNG NỢ</b>		-			
2.	Huỳnh Văn Vương	Nhân viên Pháp chế	0,5	4	2	1.900
<b>III</b>	<b>PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ</b>		-			
3.	Trần Trà Mí	Nhân viên Hành chính nhân sự	0,5	3	1,5	1.400
4.	Mai Thanh Tâm	Nhân viên Hành chính nhân sự	0,5	4	2	1.900
5.	Trần Thị Minh	Nhân viên Văn thư	1	3	3	2.800
6.	Trần Ngọc Phal	Lái xe	0,8	3	2,4	2.300
7.	Hoàng Văn Tuyên	Bảo vệ	1	2	2	1.900
<b>IV</b>	<b>PHÒNG KẾ TOÁN</b>					
8.	Nguyễn Thị Mười	Thủ quỹ	1	3	3	2.800
9.	Hồ Thị Thùy Linh	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
10.	Lâm Anh Thư	Nhân viên Kế toán	1	4	4	3.600 (*)

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số thâm niên (a)	Hệ số quy đổi (b)	Số điểm (a*b)	Số lượng cổ phiếu phân bổ (Làm tròn) (cổ phiếu/ người)
<b>V</b>	<b>PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>					
11.	Phạm Đạt Thịnh	Nhân viên IT	0,8	3	2,4	2.300
12.	Nguyễn Anh Thi	Nhân viên IT	0,5	4	2	1.900
<b>VI</b>	<b>BỘ PHẬN BÁN HÀNG CHIẾN LƯỢC</b>					
13.	Mai Thị Liên	Nhân viên Kế toán	0,5	4	2	1.900
<b>VII</b>	<b>PHÒNG MUA HÀNG</b>					
14.	Huỳnh Thanh Lâm	Nhân viên Phòng mua hàng	1	3,5	3,5	3.300
15.	Võ Thị Mỹ Tú	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
16.	Nguyễn Hải Triều	Nhân viên Kế toán	1	2,5	2,5	2.400
<b>VIII</b>	<b>PHÒNG BÁN HÀNG</b>					
17.	Võ Thanh Bình	Nhân viên Bán hàng	1	3,5	3,5	3.300
18.	Nguyễn Thị Đăng Châu	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
19.	Nguyễn Phạm Như Quỳnh	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
20.	Dương Thành Đạt	Nhân viên Bán hàng	0,8	3,5	2,8	2.600
21.	Trần Ngọc Đặng	Nhân viên Bán hàng	1	2	2	1.900



STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số thâm niên (a)	Hệ số quy đổi (b)	Số điểm (a*b)	Số lượng cổ phiếu phân bổ (Làm tròn) (cổ phiếu/ người)
<b>IX</b>	<b>KHO TRÀ NÓC</b>					
22.	Tạ Khắc Dũng	Thủ kho	1	2,5	2,5	2.400
23.	Hoàng Minh Tuấn	Nhân viên Vận hành	1	2,5	2,5	2.400
24.	Trần Văn Tiền	Nhân viên Vận hành	1	2,5	2,5	2.400
25.	Nguyễn Hoàng Nam	Thủ kho	1	2,5	2,5	2.400
<b>X</b>	<b>PHÒNG KINH DOANH SƠN</b>					
26.	Nguyễn Đỗ Thanh Tuyền	Thủ Kho	1	2,5	2,5	2.400
27.	Thái Thanh Thông	Nhân viên Giao nhận	1	2,5	2,5	2.400
28.	Trần Khắc Lộc	Nhân viên Bán hàng	0,8	2,5	2	1.900
29.	Nguyễn Phúc Hậu	Nhân viên Lái xe	1	2,5	2,5	2.400
30.	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Nhân viên Kế toán	1	4	4	3.800
31.	Ngô Mạnh Tuấn	Nhân viên Lái xe	1	2,5	2,5	2.400
32.	Nguyễn Văn Lợi	Bảo vệ	1	2	2	1.900
33.	Trịnh Thị Thanh Trúc	Bảo vệ	1	2	2	1.900
34.	Đình Công Thái	Nhân viên Bán hàng	0,5	2	1	900

STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số thâm niên (a)	Hệ số quy đổi (b)	Số điểm (a*b)	Số lượng cổ phiếu phân bổ (Làm tròn) (cổ phiếu/ người)
35.	Nguyễn Văn Ngọc	Nhân viên Giao nhận	1	2	2	1.900
<b>XI</b>	<b>THIẾT BỊ VỆ SINH</b>					
36.	Thạch Khanh	Nhân viên lái xe	1	2	2	1.900
<b>XII</b>	<b>CHI NHÁNH TIỀN GIANG</b>					
37.	Phạm Nhật Hùng Sơn	Nhân viên Bán hàng	0,5	2	1	900
38.	Nguyễn Văn Hòa	Thủ kho	0,5	2	1	900
39.	Võ Quốc Kỳ	Nhân viên Lái xe	0,5	2	1	900
<b>XIII</b>	<b>CHI NHÁNH BẠC LIÊU</b>					
40.	Nguyễn Diễm Kiều	Nhân viên Kế toán	1,00	4	4	3.800
41.	Đặng Hữu Hiền	Nhân viên Lái xe	1	2	2	1.900
42.	Châu Vũ Phương	Nhân viên Vận hành	1	2	2	1.900
43.	Lê Văn Toàn	Nhân viên Lái xe	0,5	2	1	900
44.	Phạm Ngọc Long	Nhân viên Bán hàng	0,5	2	1	900
<b>XIV</b>	<b>CHI NHÁNH PHÚ QUỐC</b>					



STT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số thâm niên (a)	Hệ số quy đổi (b)	Số điểm (a*b)	Số lượng cổ phiếu phân bổ (Làm tròn) (cổ phiếu/ người)
45.	Nguyễn Thị Sen	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
46.	Nguyễn Thị Hồng	Nhân viên Kế toán	1	3,5	3,5	3.300
47.	Lê Kim Dũng	Thủ kho	1	2	2	1.900
48.	Dương Minh Tấn	Nhân viên Lái xe	0,5	2	1	900
49.	Nguyễn Quang Duy	Nhân viên Bán hàng	0,5	3	1,5	1.400
	<b>Tổng cộng</b>					<b>110.000</b>

(\*) Sau khi tính số lượng cổ phiếu mỗi người lao động được phân phối theo nguyên tắc làm tròn, tổng số lượng cổ phiếu phân bổ cho tất cả người lao động thuộc nhóm II > 110.000 cổ phiếu (cụ thể dư 200 cổ phiếu), do đó Bà Lâm Anh Thu – người lao động có thâm niên công tác nhỏ nhất trong nhóm Người lao động có tổng điểm cao nhất sẽ được điều chỉnh giảm số lượng cổ phiếu từ 3.800 cổ phiếu xuống 3.600 cổ phiếu.